BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Số: **2167**/QĐ-ĐHLN-ĐTSĐH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công nhận thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2018 đợt 2

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2000/QĐ-ĐHLN-ĐTSĐH ngày 18/09/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc Thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2018 đợt 2;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-ĐHLN-ĐTSĐH ngày 20/06/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc Quy định "Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác; Danh mục môn học bổ sung kiến thức để dự thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Lâm nghiệp";

Căn cứ Quyết định số 2143/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 05/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc công nhận kết quả học tập các môn học bổ sung kiến thức đợt 2 năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận **276** thí sinh dự thi **06** chuyên ngành đủ điều kiện dự thi trình độ thạc sĩ năm 2018 đợt 2, cụ thể gồm:

TT	Chuyên ngành dự thi	Cở sở chính	Phân hiệu	Tổng
1	Quản lý kinh tế	133	48	**181**
2	Lâm học	07	17	**24**
3	Quản lý tài nguyên và MT	13	0	**13**
4	Công nghệ sinh học	03	0	**03**
5	Quản lý đất đai	36	0	**36**
6	Kỹ thuật chế biến lâm sản	07	12	**19**
	Tổng	***199***	***77***	***276***

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2: Giao Phòng Đào tạo sau đại học, các bộ phận có liên quan hoàn thành các thủ tục tiếp theo để đảm bảo cho các thí sinh dự thi đúng thời gian và quy chế.

Điều 3: Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, các phòng ban chức năng có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGH để (báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, Phòng ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Trần Văn Chứ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018 ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số: 2167QĐ-ĐHLN-ĐTSĐH ngày 05/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
1	Phạm Tuấn	Anh	22/09/1994	Quang Ninh	Nam	**Quản lý kinh tế**	
2	Phạm Ngọc	Ánh	11/03/1996	Bắc Giang	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
3	Đinh Văn	Bằng	19/08/1984	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
4	Quàng Văn	Chiêng	12/02/1980	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
5	Bùi Thị	Chính	08/12/1986	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
6	Vừ Vả	Chứ	05/05/1991	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
7	Đoàn Công	Chức	07/04/1987	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
8	Lò Văn	Chung	18/12/1990	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
9	Thào A	Cờ	08/03/1984	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
10	Nguyễn Văn	Cương	21/08/1980	Hà Nam	Nam	**Quản lý kinh tế**	
11	Đào Xuân	Cường	25/08/1982	Hưng Yên	Nam	**Quản lý kinh tế**	
12	Hoàng Việt	Cường	25/05/1985	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
13	Lưu Mạnh	Cường	20/09/1986	Hưng Yên	Nam	**Quản lý kinh tế**	
14	Nguyễn Văn	Cường	10/04/1981	Bắc Giang	Nam	**Quản lý kinh tế**	
15	Tòng Văn	Cường	10/11/1987	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
16	Nguyễn Xuân	Đăng	02/04/1995	Hòa Bình	Nam	**Quản lý kinh tế**	
17	Phạm Văn	Đào	28/07/1982	Nam Định	Nam	**Quản lý kinh tế**	
18	Đào Trọng	Đệ	12/08/1978	Hòa Bình	Nam	**Quản lý kinh tế**	
19	Hoàng Thị Thủy	Diêm	22/06/1996	Yên Bái	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
20	Đặng Thị	Dịu	31/10/1982	Hưng Yên	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
21	Trịnh Quốc	Đoàn	24/10/1977	Quang Ninh	Nam	**Quản lý kinh tế**	
22	Vàng A	Dủa	14/02/1980	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
23	Nguyễn Minh	Đức	27/04/1973	Nam Định	Nam	**Quản lý kinh tế**	
24	Phạm Văn	Đức	17/08/1971	Hòa Bình	Nam	**Quản lý kinh tế**	
25	Nguyễn Thị	Dung	05/01/1984	Hải Dương	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
26	Nguyễn Thùy	Dung	06/07/1983	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
27	Vì Thị Thùy	Dung	30/12/1984	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
28	Vì Văn	Dũng	15/08/1984	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
29	Vũ Ngọc	Dương	14/12/1982	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
30	Nguyễn Anh	Duy	10/12/1992	Quang Ninh	Nam	**Quản lý kinh tế**	
31	Tòng Thị	Duyên	28/03/1992	Sơn La	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
32	Lò Thị	Hà	02/06/1984	Sơn La	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
33	Nguyễn Thị Bích	Hà	07/08/1980	Quang Ninh	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
34	Nguyễn Thị Thu	Hà	08/08/1993	Quang Ninh	Nữ	**Quản lý kinh tế**	

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
35	Nguyễn Thị Việt	Hà	30/06/1978	Hòa Bình	Nữ	Quản lý kinh tế	
36	Tòng Thị	Hà	15/03/1983	Sơn La	Nữ	Quản lý kinh tế	
37	Quàng Văn	Hặc	02/10/1982	Sơn La	Nam	Quản lý kinh tế	
38	Đặng Hoàng	Hải	02/12/1992	Quang Ninh	Nam	Quản lý kinh tế	
39	Đinh Văn	Hải	13/02/1977	Hòa Bình	Nam	Quản lý kinh tế	
40	Lê Xuân	Hải	19/11/1982	Hòa Bình	Nam	Quản lý kinh tế	
41	Nguyễn Hắc	Hải	17/09/1980	Hà Nội	Nam	Quản lý kinh tế	
42	Cấn Thị Thu	Hằng	14/07/1975	Bắc Ninh	Nữ	Quản lý kinh tế	
43	Đào Thị Thu	Hằng	11/02/1990	Hà Nội	Nữ	Quản lý kinh tế	
44	Nguyễn Thị	Hạnh	16/08/1983	Hà Nội	Nữ	Quản lý kinh tế	
45	Lê Xuân	Hiền	05/04/1981	Nam Định	Nam	Quản lý kinh tế	
46	Nguyễn Tiến	Hiếu	03/03/1986	Bắc Ninh	Nam	Quản lý kinh tế	
47	Trần Trung	Hiếu	09/02/1982	Quang Ninh	Nam	Quản lý kinh tế	
48	Nguyễn Thái	Hòa	31/10/1988	Thái Nguyên	Nam	Quản lý kinh tế	
49	Nguyễn Văn	Hòa	26/01/1980	Hà Nội	Nam	Quản lý kinh tế	
50	Vũ Ngọc	Hòa	20/10/1975	Hà Nội	Nam	Quản lý kinh tế	
51	Hà Thị	Hoài	28/05/1978	Hòa Bình	Nữ	Quản lý kinh tế	
52	Nguyễn Thị	Huệ	10/04/1986	Quang Ninh	Nữ	Quản lý kinh tế	
53	Lò Văn	Hùng	11/10/1985	Sơn La	Nam	Quản lý kinh tế	
54	Nguyễn Đức	Hùng	22/12/1978	Quang Ninh	Nam	Quản lý kinh tế	
55	Nguyễn Văn	Hưng	07/01/1973	Hòa Bình	Nam	Quản lý kinh tế	
56	Đinh Mai	Hương	19/07/1980	Quang Ninh	Nữ	Quản lý kinh tế	
57	Nguyễn Thị	Hương	29/12/1982	Hà Nội	Nữ	Quản lý kinh tế	
58	Nguyễn Thu	Hương	15/02/1995	Hà Nội	Nữ	Quản lý kinh tế	
59	Nguyễn Chí	Hướng	28/07/1988	Hà Nội	Nam	Quản lý kinh tế	
60	Bùi	Huyên	07/12/1971	Hòa Bình	Nam	Quản lý kinh tế	
61	Đinh Thị	Khánh	15/05/1977	Hòa Bình	Nữ	Quản lý kinh tế	
62	Lê Hồng	Khương	04/07/1986	Hà Nội	Nam	Quản lý kinh tế	
63	Tòng Thị	Kiên	19/08/1979	Sơn La	Nữ	Quản lý kinh tế	
64	Ngô Thị Mai	Lân	16/10/1989	Sơn La	Nữ	Quản lý kinh tế	
65	Phan Thanh	Lăng	12/12/1982	Sơn La	Nam	Quản lý kinh tế	
66	Khà Thị	Lệ	12/04/1983	Hòa Bình	Nữ	Quản lý kinh tế	
67	Đặng Khánh	Linh	30/11/1993	Hòa Bình	Nữ	Quản lý kinh tế	
68	Nguyễn Thị Hồng	Lĩnh	03/07/1974	Hòa Bình	Nữ	Quản lý kinh tế	
69	Phong Thị	Loan	20/12/1991	Hà Nội	Nữ	Quản lý kinh tế	
70	Vũ Thị	Loan	27/10/1985	Hải Dương	Nữ	Quản lý kinh tế	
71	Quàng Thị	Mai	27/03/1988	Sơn La	Nữ	Quản lý kinh tế	
72	Nguyễn Văn	Mạnh	06/05/1980	Thái bình	Nam	Quản lý kinh tế	

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
73	Vũ Trường	Minh	23/03/1983	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
74	Nguyễn Văn	Na	30/01/1978	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
75	Lê Xuân	Nam	05/03/1981	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
76	Nguyễn Hải	Nam	10/09/1994	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
77	Bùi Thị Thúy	Nga	30/07/1994	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
78	Nguyễn Trọng	Nghĩa	19/10/1987	Hòa Bình	Nam	**Quản lý kinh tế**	
79	Nguyễn Phúc	Nguyên	24/05/1984	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
80	Nguyễn Thị	Nhàn	17/01/1978	Hà Nội	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
81	Phạm Văn	Nhất	21/08/1992	Hải Dương	Nam	**Quản lý kinh tế**	
82	Nguyễn Thị	Nhung	15/10/1986	Sơn La	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
83	Sồng A	Páo	14/06/1979	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
84	Cấn Thị Minh	Phương	23/08/1984	Hà Nội	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
85	Đỗ Quang	Phương	10/07/1979	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
86	Trần Thị Thuỳ	Phương	25/05/1988	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
87	Nguyễn Thị	Phường	19/04/1984	Quang Ninh	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
88	Nguyễn Thị Thu	Phượng	03/05/1988	Quang Ninh	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
89	Quách Thị	Phượng	26/08/1981	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
90	Nguyễn Hữu	Quân	16/06/1987	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
91	Bạch Vinh	Quang	26/04/1982	Hòa Bình	Nam	**Quản lý kinh tế**	
92	Lê Vinh	Quang	14/11/1988	Hòa Bình	Nam	**Quản lý kinh tế**	
93	Phan Thị Giao	Quỳnh	11/05/1981	Hà Nội	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
94	Mai Tiến	Sơn	22/02/1991	Hòa Bình	Nam	**Quản lý kinh tế**	
95	Nguyễn Duy	Sơn	04/11/1979	Hà Tây	Nam	**Quản lý kinh tế**	
96	Đặng Đình	Sùng	13/05/1984	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
97	Nguyễn Văn	Tá	01/01/1979	Nam Định	Nam	**Quản lý kinh tế**	
98	Nguyễn Văn	Tam	10/08/1977	Hưng Yên	Nam	**Quản lý kinh tế**	
99	Nguyễn Thị	Tâm	09/10/1983	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
100	Nguyễn Viết	Tâm	23/05/1980	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
101	Sa Thị	Tâm	01/01/1982	Sơn La	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
102	Vũ Tiến	Tấn	30/08/1981	Hòa Bình	Nam	**Quản lý kinh tế**	
103	Trần Thị	Thắng	19/12/1975	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
104	Tạ Thị Hồng	Thanh	05/02/1992	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
105	Hoàng Văn	Thành	06/02/1979	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
106	Lò Văn	Thành	06/05/1983	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
107	Nguyễn Đức	Thành	16/08/1984	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
108	Lý Thị	Thiềm	09/03/1978	Bắc Kạn	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
109	Nguyễn Đức	Thiện	16/04/1985	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
110	Vũ Văn	Thịnh	15/11/1975	Thái Bình	Nam	**Quản lý kinh tế**	

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
111	Cầm Hữu	Thọ	13/10/1983	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
112	Bùi Thị	Thư	07/08/1982	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
113	Bùi Văn	Thủy	21/09/1981	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
114	Nguyễn Thị Thu	Thủy	18/08/1984	Hà Nội	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
115	Trần Thu	Thủy	20/08/1985	Hà Nội	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
116	Trịnh Thị	Thủy	24/04/1985	Thanh Hóa	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
117	Nguyễn Thị Thùy	Trang	06/04/1985	Quang Ninh	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
118	Nguyễn Thu	Trang	25/12/1990	Quang Ninh	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
119	Trần Bình	Trọng	18/09/1982	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
120	Lê Đức	Trường	13/08/1985	Thanh Hóa	Nam	**Quản lý kinh tế**	
121	Chu Thanh	Tuấn	30/04/1984	Bắc Ninh	Nam	**Quản lý kinh tế**	
122	Nguyễn Anh	Tuấn	15/06/1978	Hòa Bình	Nam	**Quản lý kinh tế**	
123	Phạm Anh	Tuấn	30/11/1988	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
124	Trịnh Hữu	Tuấn	23/09/1984	Quang Ninh	Nam	**Quản lý kinh tế**	
125	Đinh Ngọc	Tùng	18/05/1985	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
126	Ngô Văn	Tuyên	16/10/1976	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
127	Nguyễn Doãn	Tuyến	15/02/1968	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
128	Bùi Thị	Tuyết	15/05/1987	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
129	Nguyễn Thị	Tuyết	02/03/1988	Hưng Yên	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
130	Nguyễn Thị Hồng	Vân	16/09/1983	Hà Nam	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
131	Tòng Văn	Việt	10/11/1981	Sơn La	Nam	**Quản lý kinh tế**	
132	Nguyễn Ngọc	Yến	16/02/1992	Quang Ninh	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
133	Nguyễn Thị Hải	Yến	08/09/1983	Hòa Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
134	Phùng Thị	Ly	11/06/1996	Hà Nội	Nữ	**Công nghệ sinh học**	
135	Nguyễn Thị	Thương	19/02/1995	Thanh Hóa	Nữ	**Công nghệ sinh học**	
136	Tạ Thu	Trang	31/05/1996	Hà Nội	Nữ	**Công nghệ sinh học**	
137	Nguyễn Văn	Hải	15/05/1991	Bắc Ninh	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
138	Khúc Hữu	Hùng	19/05/1989	Bắc Ninh	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
139	Phạm Quang	Huy	08/12/1988	Phú Thọ	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
140	Lê Văn	Quyền	12/07/1984	Hà Nội	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
141	Hoàng Nhân	Thắng	27/08/1985	Thái Bình	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
142	Hoàng Anh	Tuấn	14/04/1990	Hà Nội	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
143	Phạm Văn	Tý	08/04/1984	Bắc Giang	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
144	Đặng Quốc	Bảo	01/05/1985	Nam Định	Nam	**Lâm học**	
145	Nguyễn Vũ	Giang	10/12/1993	Hà Nội	Nam	**Lâm học**	
146	Nguyễn Thanh	Hùng	19/12/1974	Nghệ An	Nam	**Lâm học**	
147	Lê Quốc	Hưng	13/09/1996	Phú Thọ	Nam	**Lâm học**	
148	Đào Thị Thanh	Phương	14/05/1981	Thái Bình	Nữ	**Lâm học**	

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
149	Trần Văn	Sáng	15/10/1990	Vĩnh Phúc	Nam	**Lâm học**	
150	Lê Thục	Trinh	10/06/1996	Thanh Hóa	Nữ	**Lâm học**	
151	Nguyễn Việt	Anh	15/11/1996	Ninh Bình	Nam	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
152	Trần Thị Thu	Hiền	21/09/1996	Ninh Bình	Nữ	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
153	Bùi Ánh	Hồng	13/12/1989	Hòa Bình	Nam	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
154	Đỗ Hữu	Huy	23/12/1996	Hà Nội	Nam	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
155	Đỗ Thùy	Linh	22/05/1994	Hà Nội	Nữ	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
156	Hà Văn	Ngoạn	20/10/1987	Thanh Hóa	Nam	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
157	Trần Bảo	Ngọc	30/04/1996	Ninh Bình	Nam	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
158	Nguyễn Thị	Quyên	03/10/1979	Thái Bình	Nữ	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
159	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	26/05/1977	Hòa Bình	Nam	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
160	Nguyễn Xuân	Tân	22/06/1980	Hà Tây	Nam	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
161	Vũ Văn	Thái	28/05/1990	Ninh Bình	Nam	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
162	Nguyễn Đình	Thượng	21/09/1983	Nam Định	Nam	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
163	Phạm Văn	Toản	21/03/1996	Nam Định	Nam	**Quản lý tài nguyên và môi trường**	
164	Nguyễn Quốc	Bình	23/03/1982	Thanh Hóa	Nam	**Quản lý đất đai**	
165	Nguyễn Kim	Chi	11/10/1995	Hà Nội	Nữ	**Quản lý đất đai**	
166	Nguyễn Quyết	Chiến	29/09/1996	Lào Cai	Nam	**Quản lý đất đai**	
167	Phạm Văn	Cường	07/10/1976	Sơn La	Nam	**Quản lý đất đai**	
168	Phạm Bã	Di	06/11/1986	Hòa Bình	Nam	**Quản lý đất đai**	
169	Đặng Thị	Dung	05/02/1996	Lào Cai	Nữ	**Quản lý đất đai**	
170	Lại Tiến	Dũng	07/11/1992	Sơn La	Nam	**Quản lý đất đai**	
171	Vũ Thị Thu	Hà	18/02/1993	Ninh Bình	Nữ	**Quản lý đất đai**	
172	Tạ Đăng	Hải	14/12/1987	Hà Nội	Nam	**Quản lý đất đai**	
173	Lương Hoàng	Hiệp	08/12/1996	Sơn La	Nam	**Quản lý đất đai**	
174	Nguyễn Thanh	Hiếu	26/02/1990	Hà Nội	Nữ	**Quản lý đất đai**	
175	Bùi Thanh	Hưng	30/08/1985	Hòa Bình	Nam	**Quản lý đất đai**	
176	Hồ Văn	Hưng	22/09/1986	Hà Nội	Nam	**Quản lý đất đai**	
177	Hoàng Thị	Hương	24/11/1985	Sơn La	Nữ	**Quản lý đất đai**	
178	Nguyễn Ngọc Việt	Khoa	22/04/1979	Hà Nội	Nam	**Quản lý đất đai**	
179	Nguyễn Khang	Khỏe	03/06/1983	Sơn La	Nam	**Quản lý đất đai**	
180	Nguyễn Xuân	Lại	26/10/1991		Nam	**Quản lý đất đai**	
181	Tạ Thị	Mai	13/10/1989	Hà Nội	Nữ	**Quản lý đất đai**	
182	Vũ Triệu	Phú	15/11/1979	Sơn La	Nam	**Quản lý đất đai**	
183	Trần Văn	Phương	24/04/1988	Hà Nội	Nam	**Quản lý đất đai**	
184	Trần Hoàng	Quân	28/01/1996	Quảng Ninh	Nam	**Quản lý đất đai**	
185	Bùi Thị Như	Quỳnh	10/09/1989	Hà Nội	Nữ	**Quản lý đất đai**	
186	Lò Thanh	Tâm	05/09/1990	Sơn La	Nữ	**Quản lý đất đai**	

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
187	Nguyễn Phương	Thái	01/04/1990	Hà Nội	Nữ	**Quản lý đất đai**	
188	Vũ Công	Thành	28/09/1980	Phú Thọ	Nam	**Quản lý đất đai**	
189	Đoàn Xuân	Thi	30/04/1984	Nam Định	Nam	**Quản lý đất đai**	
190	Lê Minh	Thuyết	10/03/1990	Hà Nội	Nam	**Quản lý đất đai**	
191	Nguyễn Minh	Tiến	25/07/1980	Sơn La	Nam	**Quản lý đất đai**	
192	Lò Khánh	Trung	20/12/1986	Sơn La	Nam	**Quản lý đất đai**	
193	Hoàng Anh	Tuấn	04/06/1985	Sơn La	Nam	**Quản lý đất đai**	
194	Nguyễn Đức	Tuấn	01/12/1981	Hà Nội	Nam	**Quản lý đất đai**	
195	Tòng Minh	Tuấn	06/10/1988	Sơn La	Nam	**Quản lý đất đai**	
196	Trịnh Thanh	Tùng	14/08/1988	Sơn La	Nam	**Quản lý đất đai**	
197	Dương Thị Ánh	Tuyết	20/02/1987	Hà Nội	Nữ	**Quản lý đất đai**	
198	Lường Hồng	Tuyết	24/12/1982	Sơn La	Nữ	**Quản lý đất đai**	
199	Bùi Tuấn	Vũ	27/05/1991	Hà Nội	Nam	**Quản lý đất đai**	
200	Vương Lê Hòa	An	21/11/1986	Cần Thơ	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
201	Nguyễn Văn	Ba	06/08/1965	Hậu Giang	Nam	**Quản lý kinh tế**	
202	Nguyễn Gia	Bảo	15/01/1978	Cần Thơ	Nam	**Quản lý kinh tế**	
203	Lê Thị	Bưởi	15/10/1989	Kiên Giang	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
204	Châu Thế	Cường	30/05/1980	BRVT	Nam	**Quản lý kinh tế**	
205	Nguyễn Thanh	Điền	04/01/1978	Cần Thơ	Nam	**Quản lý kinh tế**	
206	Bùi Văn	Điệp	12/12/1975	Nam Định	Nam	**Quản lý kinh tế**	
207	Trần Đăng	Hiển	09/02/1983	Thanh Hóa	Nam	**Quản lý kinh tế**	
208	Nguyễn Văn	Hiệp	02/10/1980	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
209	Lương Trung	Hiếu	06/03/1982	Cần Thơ	Nam	**Quản lý kinh tế**	
210	Lương Mạnh	Hùng	22/04/1991	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
211	Nguyễn Quốc	Hùng	05/05/1965	Hà Tĩnh	Nam	**Quản lý kinh tế**	
212	Nguyễn Việt	Hùng	07/03/1987	Cần Thơ	Nam	**Quản lý kinh tế**	
213	Đặng Thị Mỹ	Huyền	07/04/1991	Quảng Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
214	Lê Văn	Khanh	04/10/1971	BRVT	Nam	**Quản lý kinh tế**	
215	Nguyễn Viết	Lâm	13/09/1991	Hà Nội	Nam	**Quản lý kinh tế**	
216	Lê Thanh	Long	01/10/1971	Phú Thọ	Nam	**Quản lý kinh tế**	
217	Nguyễn Thị Hồng	Lựu	05/01/1986	Quảng Bình	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
218	Mai Thanh	Minh	22/07/1976	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
219	Lê Phương	Nam	13/03/1987	Cần Thơ	Nam	**Quản lý kinh tế**	
220	Nguyễn Thị	Nga	12/07/1984	Hà Tĩnh	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
221	Phạm Kim	Ngân	04/02/1991	Thái Bình	Nam	**Quản lý kinh tế**	
222	Trần Thị Thu	Ngọc	04/05/1988	Tp HCM	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
223	Nguyễn Thành	Nhân	03/12/1986	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
224	Trương Thanh	Như	03/08/1976	Bình Dương	Nam	**Quản lý kinh tế**	

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
225	Nguyễn Hoàng	Phi	17/12/1972	Vĩnh Long	Nam	**Quản lý kinh tế**	
226	Đinh Xuân	Phong	01/02/1984	Cần Thơ	Nam	**Quản lý kinh tế**	
227	Nguyễn Duy	Phúc	15/06/1981	Cần Thơ	Nam	**Quản lý kinh tế**	
228	Trần Thị Diễm	Phúc	03/09/1992	Cần Thơ	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
229	Đặng Nam	Phước	03/12/1988	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
230	Lê Tấn	Phương	15/06/1977	Bình Dương	Nam	**Quản lý kinh tế**	
231	Hồ Phạm Trường	Sơn	07/11/1985	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
232	Huỳnh Thanh	Tân	05/03/1983	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
233	Phan Duy	Tân	04/12/1983	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
234	Lê Thị Mai	Thanh	26/06/1979	An Giang	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
235	Nguyễn Lê	Thanh	07/02/1983	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
236	Nguyễn Thị Hồng	Thanh	20/01/1983	Thanh Hoá	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
237	Nguyễn Ngọc Dạ	Thảo	01/02/1989	Đồng Nai	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
238	Huỳnh Trí	Thiện	28/09/1982	Cần Thơ	Nam	**Quản lý kinh tế**	
239	Nguyễn Công	Thức	14/03/1984	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
240	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	27/03/1982	Đồng Nai	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
241	Trần Thanh	Thuyết	24/04/1979	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
242	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	01/11/1996	Bình Thuận	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
243	Nguyễn Minh	Trọng	09/03/1993	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
244	Lê Thị Ánh	Tuyết	18/10/1985	Cần Thơ	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
245	Nguyễn Dương Minh	Tuyết	07/10/1993	Đồng Nai	Nữ	**Quản lý kinh tế**	
246	Hồ Quang	Vương	12/03/1989	Phú Yên	Nam	**Quản lý kinh tế**	
247	Đoàn Như	Vượng	18/07/1981	Đồng Nai	Nam	**Quản lý kinh tế**	
248	Đặng Văn	Điệp	20/05/1980	Bắc Giang	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
249	Nguyễn Văn	Duyệt	21/03/1985	Thái Bình	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
250	Ngô Thị	Hồng	24/04/1984	Ninh Bình	Nữ	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
251	Nguyễn Mạnh	Hưng	02/04/1988	Đăk Lăk	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
252	Bùi Thị Hoa	Phượng	29/10/1980	Thái Bình	Nữ	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
253	Phạm Thị Hồng	Thủy	18/01/1979	Thái Bình	Nữ	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
254	Trần Thị Việt	Trinh	14/01/1996		Nữ	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
255	Mai Đình	Trình	27/07/1983	Thanh Hóa	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
256	Phạm Tài	Trường	01/02/1995		Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
257	Trần Văn	Trường	17/08/1992	Thái Bình	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
258	Đầu Minh	Uyên	05/05/1995	Thanh Hóa	Nam	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
259	Nguyễn Thị	Yến	12/09/1982	Nghệ An	Nữ	**Kỹ thuật chế biến lâm sản**	
260	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	16/04/1985	Thái Bình	Nữ	**Lâm học**	
261	Trần Văn	Hảo	05/10/1988	Nghệ An	Nam	**Lâm học**	
262	Lê Thị	Hoa	15/03/1991	Thánh Hóa	Nữ	**Lâm học**	

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
263	Phan Văn	Hùng	22/12/1994	Nghệ An	Nam	**Lâm học**	
264	Lê Thị	Lài	14/10/1985	Nghệ An	Nữ	**Lâm học**	
265	Nguyễn Thanh	Long	17/03/1979	Quảng Bình	Nam	**Lâm học**	
266	Ngô Thị Minh	Nguyện	22/08/1996	Phú Yên	Nữ	**Lâm học**	
267	Trần Thị Bích	Nguyệt	14/09/1988	Nghệ An	Nữ	**Lâm học**	
268	Nguyễn Thanh	Nhàn	03/02/1970	Quảng Bình	Nam	**Lâm học**	
269	Nguyễn Tất	Thành	18/04/1987	Quảng Bình	Nam	**Lâm học**	
270	Vũ Đức	Thư	05/07/1983	Ninh Bình	Nam	**Lâm học**	
271	Phùng Văn	Tinh	18/06/1992	Hải Dương	Nam	**Lâm học**	
272	Ngô Thị Kiều	Trang	20/07/1996	Đak Lak	Nữ	**Lâm học**	
273	Võ Thành	Trí	16/01/1980		Nam	**Lâm học**	
274	Nguyễn Thành	Trung	27/12/1992	Bà Rịa-VT	Nam	**Lâm học**	
275	Trần Quốc	Trường	10/07/1993	Đak Lak	Nam	**Lâm học**	
276	Đoàn Anh	Vũ	09/01/1996	Phú Yên	Nam	**Lâm học**	

Danh sách này gồm có 276 thí sinh.